

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 3 - BẮC NINH**

Bản án số: 42/2025/DS-ST

Ngày 22/9/2025

V/v: Tranh chấp Hợp đồng  
giao nhận khoán trồng rừng  
sản xuất.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- BẮC NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Toàn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Thân Văn Bình

2. Ông Dương Ngô Phiên

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trương Thị Minh Trang- Thư ký viên Tòa án nhân dân  
Khu vực 3- Bắc Ninh.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 3 tham gia phiên tòa:*** Ông Ngô  
Đức Nghiêm- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Khu vực  
3, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 90 ngày 01/7/2025  
(số 58/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Yên  
Thế cũ) về việc “Tranh chấp Hợp đồng giao nhận khoán trồng rừng sản xuất”. Theo  
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2025;  
Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2025/QĐST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2025, giữa  
các đương sự:

- *Nguyên đơn:* [Công ty TNHH MTV L1](#); Địa chỉ trụ sở: [Số E đường X, xã H,  
tỉnh Lạng Sơn](#).

Người đại diện theo pháp luật: Ông [Chu Thanh C](#), sinh năm 1974; Chức vụ:  
Giám Đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông [Nguyễn Đức M](#); Chức vụ: [Giám Đốc Lâm  
trường Đ](#)- Chi nhánh [Công ty TNHH MTV L1](#); Địa chỉ: [Thôn T, xã B, tỉnh Bắc Ninh](#)  
(Văn bản ủy quyền số 323a/GUQ-CT-TCHC ngày 15/5/2024)- Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông [Trần Danh B](#), sinh 1964; Nơi cư trú: [Bản T, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh  
\(xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang cũ\)](#)- Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà [Đặng Thị Y](#), sinh năm 1967 (vợ ông [B](#)); Nơi cư trú: [Bản T, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh](#)- Vắng mặt.
2. Chị [Trần Thị Y1](#), sinh năm 1991 (con ông [B](#)); Nơi cư trú: [Bản T, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh](#)- Vắng mặt.
3. Anh [Trần Danh L](#), sinh năm 1993 (con ông [B](#)); Nơi cư trú: [Bản T, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh](#)- Vắng mặt.
4. Ủy ban nhân dân xã [X](#), tỉnh Bắc Ninh ([UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang](#) cũ)- Do ông [Nguyễn Ngọc T](#)- Phó chủ tịch [UBND xã X](#) đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 367/QĐ-UBND ngày 03/9/2025). Địa chỉ trụ sở: [xã X, tỉnh Bắc Ninh](#)- Có đơn xin vắng mặt.
5. Ủy ban nhân dân tỉnh [B](#) ([UBND tỉnh B](#) cũ)- Do ông [Đào Ngọc Q](#)- Chuyên viên phòng quản lý đất đai, Sở Nông nghiệp và [M1](#) trường đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 782/QĐ-UBND ngày 29/8/2025). Địa chỉ Trụ sở: [Phường B, tỉnh Bắc Ninh](#)- Có đơn xin vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (ông [Nguyễn Đức M](#)) trình bày:*

Ngày 05/6/2019, [Lâm trường Đ](#) thuộc [Công ty TNHH MTV L1](#) có ký Hợp đồng số 15/HĐ-LT/2019 với ông [Trần Danh B](#) có địa chỉ thường trú tại [bản T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang](#) (Hợp đồng giao khoán đất trồng rừng sản xuất theo chu kỳ kinh doanh Mô hình 3 trên đất [Công ty TNHH MTV L1](#), trên địa bàn [xã Đ](#); thực hiện tại lô a5 khoảnh 5 diện tích 1,94 ha). Mức khoán 36,0m<sup>3</sup> gỗ cây đứng/ha, sản phẩm khoán hộ ông [Ba P](#) trả Lâm trường= 36m<sup>3</sup> gỗ cây đứng/ha x 1,94 ha= 69,84m<sup>3</sup> gỗ cây đứng;

Lô rừng a5 khoảnh 5 thuộc diện tích đất của Lâm trường Đồng Sơn/Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đông Bắc, được [UBND tỉnh B](#) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định 1003/QĐ-CT, GCN QSDĐ số K592198 cấp ngày 15/8/1998

Ngày 27/11/2020 [Công ty TNHH L1](#) được [UBND tỉnh B](#) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 quyết định về việc cho [Công ty TNHH L1](#) chuyển hình thức từ hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất sang thuê đất (đợt 1) đối với diện tích đất đã được Nhà nước giao quản lý, sử dụng qua các thời kỳ và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 418500 thuộc thửa đất số 1, tờ bản đồ số 128.

Lô rừng a5 khoảnh 5 diện tích 1,94 ha, ông [Trần Danh B](#) ký hợp đồng với [Đ](#) thuộc diện tích đất của [Công ty TNHH MTV L2](#) được [UBND tỉnh B](#) cho thuê theo

Quyết định 1086/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 và đã được cấp GCN QSDĐ số DB 418500, thuộc thửa đất số 1 tờ bản đồ số 128.

Từ ngày 26 tháng 04 năm 2024 ông [Trần Danh B](#) tự ý tổ chức khai thác lô rừng, lấy hết sản phẩm gỗ không nộp trả sản phẩm khoán của Lâm trường và chiếm diện tích đất sau khai thác của [Lâm trường Đ](#) thuộc [Công ty TNHH L1](#). Mặc dù [Lâm trường Đ](#) đã rất nhiều lần làm việc với hộ ông [B](#) và đã đề nghị [UBND xã Đ](#) (nay là [xã X](#)) hỗ trợ mời ông [B](#) đến trụ sở để giải quyết nhưng hộ ông [Ba K](#) chấp hành, cố tình lấy hết sản phẩm khoán và chiếm đất để tái sinh cây chồi trên đất của Lâm trường.

Giá trị về lô đất là  $19.400\text{m}^2 \times 7.000\text{đ}/\text{m}^2 = 135.800.000$  đồng.

Giá trị sản phẩm khoán phải nộp trả Lâm trường theo hợp đồng là  $11,94 \text{ ha} \times 36,0 \text{ m}^3/\text{ha} \times 1.000.000 \text{ đồng}/\text{m}^3 = 69.840.000$  đồng. Đơn giá áp dụng theo Quyết định số 221/QĐ-CT-LN ngày 21/9/2023 của [Công ty TNHH L1](#) về việc ban hành đơn giá thu hồi sản phẩm gỗ áp dụng trong thanh lý thu hồi vốn rừng trồng khoán hộ (MH3). Hộ ông [B](#) chưa nhận tiền đầu tư tạo rừng của Lâm trường 15.617.000 đồng; số tiền còn phải nộp 54.223.000 đồng.

Tổng giá trị = 190.023.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu, không trăm hai mươi ba nghìn đồng), gồm: tiền sản phẩm gỗ: Tiền sản phẩm gỗ phải trả Công ty: 54.223.000 đồng, tiền giá trị lô đất: 135.800.000 đồng.

Việc ông [Trần Danh B](#) tự ý khai thác sau đó chiếm đất của Lâm trường đã vi phạm khoản f, h, i mục 5.1 Điều 5 của hợp đồng.

Tài liệu, bằng chứng có liên quan đến hợp đồng và thửa đất nêu trên:

- Quyết định số 175/UB ngày 18/3/1987 của [UBND tỉnh H](#) về việc giao đất, giao rừng cho liên hiệp các xí nghiệp gỗ trụ sở quản lý, đầu tư sản xuất kinh doanh;
- Quyết định số 177/QĐ-UB ngày 23/3/1987 của [UBND tỉnh H](#), về việc giao đất, giao rừng cho liên hiệp các xí nghiệp gỗ trụ sở quản lý, đầu tư sản xuất kinh doanh;
- Quyết định số 1003/QĐ-CT ngày 15/8/1998 của Chủ tịch [UBND tỉnh B](#) về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Lâm trường [Đ](#).
- Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của [UBND tỉnh B](#) về việc cho [Công ty TNHH L1](#) chuyển hình thức từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang thuê đất (đợt 1) đối với diện tích đất đã được Nhà nước giao quản lý, sử dụng qua các thời kỳ.

Lô rừng trên thuộc diện tích đất của [Lâm trường Đ](#), được UBND tỉnh cấp Giấy CNQSD đất theo Quyết định số 1003/QĐ-CT, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 592198, cấp ngày 15/8/1998 và đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 418500 do [UBND tỉnh B](#) cấp ngày 25/8/2021 cho [Công ty TNHH L1](#), thuộc thửa số 1, tờ bản đồ số 128 theo Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của [UBND tỉnh B](#).

Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất qua các thời kỳ, [Lâm trường Đ](#) đã thực hiện việc trồng rừng ổn định nhiều chu kỳ.

Ngày 26/4/2024, [Lâm trường Đ](#) phối hợp với [Hạt kiểm lâm huyện Y](#) đến hiện trường khai thác để kiểm tra. Sau khi kiểm tra thực tế hiện trạng lô rừng bị chặt phá 0.06ha, năm 2023 bị cháy và ảnh hưởng khoảng 0,4ha. Hộ ông [B](#) có ý kiến: Do rừng bị cháy, chất lượng rừng xấu, gia đình chỉ bns được khoảng 190.000.000đ- 200.000.000đ nên gia đình xin được nộp số tiền là q0 triệu đồn.

Ngày 15/5/2014, [Lâm trường Đ](#) phối hợp với [Hạt kiểm lâm huyện Y](#) đến nhà ông [B](#) để làm việc do gia đình ông [B](#) đã khai thác rừng chưa nộp sản phẩm khoán, chưa thanh lý hợp đồng. Ông [B](#) có ý kiến đã bán toàn bộ số cây cho ông [Trần Thế T1](#), ông [T1](#) chịu trách nhiệm nộp tiền sản phẩm khoán

Ngày 04/6/2024 [Lâm trường Đ](#) có Thông báo số 85 về việc đình chỉ khai thác, vận chuyển trái phép gỗ rừng trồng sản xuất đối với ông [Trần Danh B](#), nhưng ông [Ba K](#) chấp hành.

Vì vậy, [Công ty TNHH L1](#) có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Công nhận diện tích 1,94ha đất rừng tại lô a5, khoảnh 5, [đội Đ, Lâm trường Đ](#) quản lý, thuộc quyền sử dụng của [Công ty TNHH MTV L1](#).

Buộc ông [Trần D](#) Ba cùng vợ là bà [Đặng Thị Y](#) chặt toàn bộ số cây trồng trên đất, trả cho [Công ty TNHH MTV L2](#) 01 diện tích 1,94ha đất rừng tại lô a5, khoảnh 5, thuộc [đội Đ, Lâm trường Đ](#) quản lý.

Buộc ông [Trần D](#) Ba cùng vợ là bà [Đặng Thị Y](#) trả tiền sản phẩm khoán cho [Công ty TNHH MTV L1](#) theo hợp đồng là:  $11,94\text{ha} \times 36,0\text{m}^3/\text{ha} \times 1.000.000\text{đ}/\text{m}^3 = 69.840.000\text{đ}$  (Sáu mươi chín triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng). Hộ ông [B](#) chưa nhận tiền đầu tư tạo rừng của Lâm trường 15.617.000đ, số tiền còn phải nộp là 54.223.000đ (Năm mươi tư triệu hai trăm hai mươi ba nghìn đồng). Đơn giá áp dụng theo Quyết định số 221/QĐ-CT-LN ngày 21/9/2023 của [Công ty TNHH MTV L1](#), về việc Ban hành đơn giá thu hồi sản phẩm gỗ áp dụng trong thanh lý thu hồi vốn rừng trồng khoán hộ (MH3);

Tại Tòa án, ngày 13 tháng 8 năm 2025, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn co đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 3- Bắc Ninh giải quyết:

- Đề nghị tuyên chấm dứt Hợp đồng số 15/HĐ-LT/2019 ký ngày 05/6/2019 giữa Lâm trường [Đ](#) thuộc [Công ty TNHH MTV L1](#) với ông [Trần Danh B](#), địa chỉ: [Bản T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang \(nay là bản T, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh\)](#) tại lô a5 khoảnh 5 diện tích 1,94 ha và giải quyết hậu quả pháp lý của việc chấm dứt hợp đồng:

+ Buộc ông [Trần D](#) Ba cùng vợ là bà [Đặng Thị Y](#) chặt toàn bộ số cây trên đất (cây mọc chồi), trả cho [Công ty TNHH MTV L2](#) 01 diện tích 1,94ha đất rừng tại lô a5, khoảnh 5, thuộc [đội Đ, Lâm trường Đ](#) quản lý.

+ Buộc ông [Trần Danh B](#) trả tiền sản phẩm khoán cho [Công ty TNHH MTV L1](#) theo hợp đồng là:  $11,94\text{ha} \times 36,0\text{m}^3/\text{ha} \times 1.000.000\text{đ}/\text{m}^3 = 69.840.000\text{đ}$  (Sáu mươi chín triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng). Ông [B](#) chưa nhận tiền đầu tư tạo

rừng của Lâm trường 15.617.000đ, số tiền còn phải nộp là 54.223.000đ (Năm mươi tư triệu hai trăm hai mươi ba nghìn đồng).

Đối với yêu cầu: Công nhận diện tích 1,94ha đất rừng tại lô a5, khoảnh 5, [đội Đ, Lâm trường Đ](#) quản lý, thuộc quyền sử dụng của [Công ty TNHH MTV L2](#). Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định lô đất đã được [UBND tỉnh B](#) cấp Giấy CNQSD đất số DB 418500 cấp ngày 25/8/2021 cho [Công ty TNHH L1](#), thuộc thửa số 1, tờ bản đồ số 128 theo Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của [UBND tỉnh B](#). Vì vậy, [Công ty TNHH L1](#) thay đổi yêu cầu khởi kiện ban đầu, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện này.

- *Bị đơn (ông [Trần Danh B](#)):* Không gửi ý kiến, văn bản đến Tòa án, vì vậy không có ý kiến, quan điểm gì lưu trong hồ sơ. Tại Biên bản làm việc giữa Lâm trường Đ, [Hạt Kiểm lâm huyện Y](#) với ông [Trần Danh B](#) ngày 26/4/2024 và ngày 15/5/2024 do [Công ty TNHH MTV L1](#) giao nộp kèm theo đơn khởi kiện, tại hai biên bản này ông [B](#) và bà [Y](#) có ý kiến: Do rừng bị cháy, chất lượng rừng xấu, gia đình chỉ bán được khoảng 190.000.000đ- 200.000.000đ nên gia đình xin được nộp số tiền là 10 triệu đồng. Ông [B](#) đã bán toàn bộ số cây cho ông [Trần Thế T1](#), ông [T1](#) chịu trách nhiệm nộp tiền sản phẩm khoán.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (bà [Đặng Thi Y](#)) trình bày:* Bà yên thừa nhận gia đình bà có ký kết hợp đồng giao khoán rừng với [Lâm trường Đ](#). Hiện nay đã khai thác được 03 chu kỳ cây bạch đàn. Hai chu kỳ đầu tiên gia đình bà [Y](#) vẫn trả tiền theo hợp đồng đầy đủ. Đến chu kỳ thứ 3 do khai thác không hiệu quả, bị thua lỗ nhiều nên không có tiền để trả cho Lâm trường Đ. Bà [Y](#) đã đề nghị với [Lâm trường Đ](#) nhiều lần về việc miễn thuế theo hợp đồng. Tuy nhiên, [Lâm trường Đ](#) không đồng ý. Đối với chu kỳ thứ 3 sau khi khai thác gia đình bà [Y](#) có bán cho ông [Trần Thế T1](#) ở [bản K, xã Đ](#) được 120 triệu đồng, thỏa thuận ông [T1](#) phải thanh toán tiền thuế cho Lâm trường Đ nên bà [Y](#) đề nghị Lâm trường Đ làm việc với ông [T1](#). Đối với các văn bản tố tụng của Tòa án, gia đình bà [Y](#) đã nhận được, tuy nhiên do bà [Y](#) lớn tuổi, ông [Ba K](#) nghe tốt, mắt kém nên không đi đến Tòa án làm việc được.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (chị [Trần Thị Y1](#), anh [Trần Danh L](#)):* Không gửi ý kiến, văn bản đến Tòa án, vì vậy không có ý kiến, quan điểm gì lưu trong hồ sơ.

- *Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ([UBND xã X](#)) trình bày:*

Lô a5 khoảnh 5 diện tích 1,94 ha, ông [Trần Danh B](#) ký hợp đồng với [Lâm trường Đ](#) không thuộc diện tích đất [UBND tỉnh B](#) thu hồi theo Quyết định số 39/QĐ-UBND, ngày 14/4/2010.

Lô a5 khoảnh 5 diện tích 1,94 ha, ông [Trần Danh B](#) ký hợp đồng với [Lâm trường Đ](#) thuộc diện tích đất của [Công ty TNHH MTV L2](#) được [UBND tỉnh B](#) cho thuê theo Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 418500 thuộc thửa đất số 1, tờ bản đồ số 128.

Như vậy, quyền quản lý và sử dụng đất thuộc [Công ty TNHH MTV L1](#).

- *Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan* ([UBND tỉnh B](#)) trình bày: Qua xem xét hồ sơ cho thấy, quy trình ban hành Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của [UBND tỉnh B](#) là đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật.

- Ngày 25/7/2025, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với diện tích 1,94ha đất rừng tại lô a5, khoảnh 5; địa chỉ: [Bản K, xã X, tỉnh Bắc Ninh \(Bản K, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang cũ\)](#):

Lô đất có các mặt tiếp giáp: Phía Bắc giáp với đất của [Công ty L1](#) ký hợp đồng với hộ bà [Lương Thị T2](#); Phía Nam giáp với đất của [Công ty L1](#) ký hợp đồng với hộ ông [Trần Thế T3](#) (lô a7, khoảnh 5); Phía Tây giáp với lô a6, khoảnh 5; Phía Đông giáp với lô 37 giáp Làng Sơn.

Trên đất có các cây bạch đàn (bạch đàn chồi), đường kính thân cây 3,5cm, chiều cao từ 3,0m, mật độ cây: 1600 cây/1ha.

Giá đất rừng: 12.000đ/1m<sup>2</sup>; diện tích đo thực tế là 17192,9m<sup>2</sup> x 12.000đ= 206.314.800đ.

Cây bạch đàn (chồi), đường kính thân cây 3,5cm, chiều cao từ 3,0m, mật độ cây: 1600 cây/1ha; giá cây: 32.000đ/1 cây. Tính theo diện tích 1,94ha là 2.750 cây; giá trị là 2.750 cây x 32.000đ= 88.000.000đ ([T4](#) mươi tám triệu đồng).

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3- Bắc Ninh phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng theo quy định; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án cơ bản đúng quy định của của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn là ông [Trần Danh B](#), người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: bà [Đặng Thị Y](#), chị [Trần Thị Y1](#), anh [Trần Danh L](#) không chấp hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 275; khoản 1 Điều 422; Điều 428; các Điều: 504, 505, 507, 508, 512, khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 135, khoản 3 Điều 188; Điều 167 của Luật đất đai; đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của [Công ty TNHH MTV L1](#).

Tuyên bố chấm dứt Hợp đồng số 15/HĐ-LT/2019 ký ngày 05/6/2019 giữa Lâm trường [Đ](#) thuộc [Công ty TNHH MTV L1](#) với ông [Trần Danh B](#), địa chỉ: [Bản T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang](#) (nay là [Bản Trảng B1, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh](#)) tại lô a5, khoảnh 5, diện tích 1,94ha; địa chỉ lô đất: [Bản K, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang](#) (nay là [xã X, tỉnh Bắc Ninh](#));

Buộc ông [Trần D](#) Ba phải có nghĩa vụ trả sản phẩm khoán cho [Công ty TNHH MTV L1](#) theo hợp đồng số 15/HĐ-LT/2019 ký ngày 05/6/2019, số tiền là 54.223.000đ (Năm mươi tư triệu hai trăm hai mươi ba nghìn đồng);

Buộc ông [Trần Danh B](#) và bà [Đặng Thị Y](#) phải có nghĩa vụ thu hoạch, chặt bỏ toàn bộ số cây bạch đàn (cây chôi) mà ông [B](#) đã tự ý để mọc chôi trên lô đất a5, gồm 2.750 cây bạch đàn chôi, trả [Công ty TNHH MTV L1](#) tổng diện tích đất trồng rừng là 1,94ha tại lô a5, khoảnh 5, do [đội Đồng Tiến - Lâm trường Đ](#) quản lý (đã được đo đạc thẩm định ngày 25/7/2025); lô a5 nằm trong tổng diện tích đất đã được [UBND tỉnh B](#) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/8/2021, thửa đất số 1, tờ bản đồ số 128; Địa chỉ thửa đất: [xã X, tỉnh Bắc Ninh \(xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang cũ\)](#) cấp cho [Công ty TNHH L1](#); số GCNQSD đất: DB 418500; vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS0 1868/Q03; Vào sổ địa chính trang số 104; Quyền số 41; theo Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của [UBND tỉnh B](#) về việc cho [Công ty TNHH L1](#) chuyển hình thức từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang thuê đất (đợt 1) đối với diện tích đất đã được Nhà nước giao quản lý, sử dụng qua các thời kỳ; lô đất a5 có diện tích, kích thước các cạnh, các điểm tiếp giáp cụ thể được xác định như tại bản “Trích đo địa chính, hiện trạng” do [Công ty TNHH một thành viên T5](#) đo đạc ngày 25/7/2025 (Có sơ đồ kèm theo); cụ thể có các điểm tiếp giáp cụ thể như sau: Điểm 1+2= 107,46m; 2+ 3= 32,34m; 3+ 4= 36,99m; 4+5= 58,72m; 5+6= 48,92m; 6+7= 43,16m; 7+8= 20,55m; 8+9= 31,01m; 9+10= 19,97m; 10+11= 29,81m; 11+12= 8,60m; 12+13= 15,00m; 13+14= 7,28m; 14+15= 15,81m; 15+16= 13,45m; 16+17= 13,57m; 17+1= 47,24m.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông [Trần Danh Ba P](#) thanh toán trả cho [Công ty TNHH MTV L1](#) toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật là 11.559.000đ (Mười một triệu năm trăm lăm mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

*Về án phí:* Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông [Trần Danh B](#). Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho [Công ty TNHH L1](#) số tiền 4.750.000đ (Bốn triệu bảy trăm lăm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002033 ngày 22/5/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:*

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà, có đơn xin vắng mặt tại phiên toà; đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2. Căn cứ vào Điều 277, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

Căn cứ đơn khởi kiện của [Công ty TNHH L1](#) đây xác định là quan hệ tranh chấp “Tranh chấp Hợp đồng giao nhận khoán trồng rừng sản xuất”, quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2]. Về quan hệ tranh chấp:**

[2].1. Xét yêu cầu của [Công ty TNHH L1](#) yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên chấm dứt Hợp đồng số 15/HĐ-LT/2019 ký ngày 05/6/2019 giữa Lâm trường [Đ](#) thuộc [Công ty TNHH MTV L1](#) với ông [Trần Danh B](#), địa chỉ: [Bản T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang](#) tại lô a5, khoảnh 5, diện tích 1,94ha và giải quyết hậu quả pháp lý của việc chấm dứt hợp đồng, trả sản phẩm khoán cho [Công ty L1](#) theo hợp đồng là: 54.223.000đ (Năm mươi tư triệu hai trăm hai mươi ba nghìn đồng), thấy rằng:

Người đại diện hợp pháp của [Công ty TNHH L1](#) xác định hai bên có ký kết Hợp đồng giao nhận khoán số 15/HĐ-LT/2019 ký ngày 05/6/2019 tại lô a5, khoảnh 5, diện tích 1,94ha, thời hạn thực hiện hợp đồng là 7 năm (giai đoạn từ năm 2019) với mức khoán 36,0m<sup>3</sup>/1ha: lô a5, khoảnh 5, diện tích 1,94 ha x 36,0 m<sup>3</sup>/ha x 1.000.000 đồng/m<sup>3</sup> = 69.840.000 đồng. Hộ ông [B](#) chưa nhận tiền đầu tư tạo rừng của Lâm trường 15.617.000 đồng; số tiền còn phải nộp 54.223.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi tư triệu, hai trăm hai mươi ba nghìn đồng*). Tại Hợp đồng giao nhận khoán số 15/HĐ-LT/2019 ngày 05/6/2019 do [Công ty TNHH L1](#) giao nộp kèm theo đơn khởi kiện thể hiện ông [Trần Danh B](#) là người trực tiếp ký hợp đồng số 15/HĐ-LT/2019 với [Lâm trường Đ](#). Tại Biên bản làm việc giữa Lâm trường [Đ](#), Hạt Kiểm lâm với ông Ba ngày 15/5/2024 do [Công ty TNHH MTV L1](#) giao nộp kèm theo đơn khởi kiện, ông [B](#) thừa nhận Hợp đồng số 15/HĐ-LT/2019 ký ngày 05/6/2019 là do ông [B](#) ký, ông [B](#) đã bán toàn bộ gỗ cho ông [Trần Thế T1](#) nên ông [T1](#) chịu trách nhiệm trả sản phẩm khoán. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án ông [B](#) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để làm việc, không gửi văn bản, ý kiến gì đến Tòa án. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh thì tình tiết “một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Bà [Y](#) là vợ của ông [B](#) cũng xác nhận gia đình đã ký hợp đồng nhận khoán trồng rừng với [Lâm trường Đ](#) 03 chu kỳ, đến chu kỳ thứ ba đã bán gỗ được 120 triệu đồng nhưng không nộp sản phẩm khoán do người mua gỗ nhận trách nhiệm trả sản phẩm khoán cho Lâm trường. Vì vậy, xác định việc giữa ông [B](#) và [Lâm trường Đ](#) ký kết Hợp đồng giao nhận khoán số 15/HĐ-LT/2019 ký ngày 05/6/2019 tại lô a5, khoảnh 5, diện tích 1,94ha, thời hạn thực hiện hợp đồng là 7

năm (giai đoạn từ năm 2019) với mức khoán 36,0m<sup>3</sup>/1ha: lô a5, khoảnh 5, diện tích 1,94 ha x 36,0 m<sup>3</sup>/ha x 1.000.000 đồng/m<sup>3</sup> = 69.840.000 đồng là có căn cứ. Ông [B](#) chưa nhận tiền đầu tư tạo rừng của Lâm trường 15.617.000 đồng; số tiền còn phải nộp 54.223.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi tư triệu hai trăm hai mươi ba nghìn đồng*).

Đối với ý kiến của ông [Trần Danh B](#) và bà [Y](#) trình bày về việc ông [B](#) chuyển bán toàn bộ lô cây rừng tại lô a5 cho ông [Trần Thế T1](#), ông [T1](#) phải nộp tiền sản phẩm khoán cho Lâm trường. Theo thỏa thuận trong hợp đồng giữa ông [B](#) với [Lâm trường Đ](#) không thỏa thuận về việc người mua gỗ chịu trách nhiệm nộp sản phẩm cho Lâm trường. Do đó thỏa thuận giữa ông [B](#) và ông [T1](#) không được pháp luật bảo vệ, ông [B](#) vẫn là người chịu trách nhiệm trả sản phẩm khoán cho [Công ty L1](#) theo hợp đồng số 15/HĐ-LT/2019 nêu trên.

Thời hạn của hợp đồng là 07 năm (từ năm 2019), trong hợp đồng không ghi thời gian kết thúc của hợp đồng. Tuy nhiên, từ ngày 26/4/2024 ông [B](#) tự ý khai thác lô rừng mà chưa có sự đồng ý bằng văn bản của [Lâm trường Đ](#), lấy hết sản phẩm gỗ không nộp trả sản phẩm khoán cho [Công ty L1](#) là vi phạm điểm h khoản 5.1 Điều 5 của Hợp đồng. [Công ty TNHH MTV L1](#) xác định đến năm 2025 là ngày hết hạn của hợp đồng nhưng ông [B](#) không có đơn gửi đến [Lâm trường Đ](#) đề nghị tiếp tục được nhận khoán lô đất nhưng vẫn không chịu trả lại đất cho [Công ty L1](#), đã vi phạm vào điểm i khoản 5.1 Điều 5 của Hợp đồng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của [Công ty TNHH L1](#) đề nghị tuyên chấm dứt Hợp đồng số 15/HĐ-LT/2019 ký ngày 05/6/2019 giữa [Lâm trường Đ](#) thuộc [Công ty TNHH MTV L1](#) với ông [Trần Danh B](#) là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Đến nay ông [B](#) vẫn chưa thanh toán trả sản phẩm khoán kinh doanh trồng rừng cho [Lâm trường Đ](#). Vì vậy, yêu cầu khởi kiện này của [Công ty TNHH L1](#) là có căn cứ, cần buộc ông [Trần D](#) Ba phải có trách nhiệm thanh toán trả [Công ty TNHH L1](#) số tiền 54.223.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi tư triệu hai trăm hai mươi ba nghìn đồng*) theo hợp đồng nêu trên.

[2].2. Xét yêu cầu của [Công ty TNHH L1](#) yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông [Trần Danh B](#) và bà [Đặng Thị Y](#) chặt toàn bộ số cây trồng trên đất, trả [Công ty TNHH MTV L2 trường L2](#) diện tích 1,94ha đất rừng tại lô a5, khoảnh 5, thuộc [đội Đồng Tiến - Lâm trường Đ](#) quản lý, thấy rằng:

Ngày 27/11/2020 [Công ty TNHH một thành viên L2](#) được [UBND tỉnh B](#) cấp GCNQSD đất theo Quyết định số 1086/QĐ-[UBND tỉnh B](#) quyết định về việc cho [Công ty TNHH một thành viên L1](#) chuyển hình thức từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang thuê đất đối với diện tích đất đã được Nhà nước giao quản lý, sử dụng qua các thời kỳ, diện tích đất rừng sản xuất tại [xã Đ](#) là: 3.501.730,0m<sup>2</sup>, gồm 08 thửa thuộc 05 tờ bản đồ.

[UBND tỉnh B](#) có quan điểm, xác định quy trình ban hành Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của [UBND tỉnh B](#) là đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật.

[Công ty L1](#) xác định: Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất qua các thời kỳ, [Lâm trường Đ](#) đã thực hiện việc trồng rừng ổn định nhiều chu kỳ. Ngày 05/6/2019, Lâm trường ký Hợp đồng số 15/HĐ-LT/2019 với ông [Trần Danh B](#), về việc giao nhận khoán sử dụng đất và đầu tư vốn trồng rừng sản xuất thực hiện tại lô a5 khoảnh 5, diện tích 1,94ha. Tuy nhiên từ ngày 26/4/2024 ông [B](#) tự ý khai thác lô rừng, lấy hết sản phẩm gỗ không nộp trả sản phẩm khoán và chiếm diện tích đất sau khi thác của [Lâm trường Đ](#) thuộc [Công ty TNHH MTV L1](#) nên đã phát sinh tranh chấp. Ngày 15/5/2024, [Lâm trường Đ](#) phối hợp cùng Hạt kiểm Lâm Yên Thế đã làm việc với ông [B](#), ông [B](#) cũng thừa nhận Hợp đồng số 15/HĐ-LT/2019 ký ngày 05/6/2019 là do ông [B](#) ký, ông [B](#) đã bán gỗ cho ông [T1](#) nên ông [T1](#) phải nộp sản phẩm khoán cho Lâm trường.

Từ các tài liệu chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định diện tích 1,94ha đất rừng tại lô a5, khoảnh 5, thuộc [đội Đồng Tiến - Lâm trường Đ](#) quản lý (đã được đo đạc thẩm định ngày 25/7/2025- diện tích đo thực tế là 17192,9m<sup>2</sup>) thuộc quyền quản lý và sử dụng của [Công ty TNHH một thành viên L1](#) theo Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của [UBND tỉnh B](#) về việc cho [Công ty TNHH L1](#) chuyển hình thức từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang thuê đất (đợt 1) đối với diện tích đất đã được Nhà nước giao quản lý, sử dụng qua các thời kỳ; tại thửa đất số 1, tờ bản đồ số 128; Địa chỉ thửa đất: [xã X, tỉnh Bắc Ninh \(xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang cũ\)](#), được [UBND tỉnh B](#) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/8/2021; cấp cho [Công ty TNHH L1](#); số GCNQSD đất: DB 418500; vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 01843/Q03. Vào sổ địa chính trang số 104; Quyền số 41.

Giữa [Công ty TNHH L1](#) và ông [B](#) đã ký hợp đồng trồng rừng số 15/HĐ-LT/2019 ngày 05/6/2019, sau khi tự ý khai thác gỗ năm 2024 và hết hạn của hợp đồng giao nhận khoán trồng rừng tại Hợp đồng giao nhận khoán ông [Ba K](#) tiếp tục ký hợp đồng trồng rừng (chu kỳ tiếp theo) với [Công ty TNHH L1](#) nữa. Tuy nhiên, ông [B](#) vẫn tự ý chiếm giữ lô đất nêu trên của [Công ty TNHH L1](#) để tạo chồi bạch đàn phát triển, cụ thể: Tại lô a5 có 2750 cây bạch đàn chồi (tại thời điểm định giá 25/7/2025), không tự nguyện trả lại cho [Công ty TNHH L1](#) lô đất nêu trên là vi phạm vào điểm i khoản 5.1 Điều 5 của Hợp đồng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của [Công ty TNHH L1](#). Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của [Công ty TNHH L1](#) là có căn cứ, cần buộc ông [Trần Danh B](#) và bà [Đặng Thị Y](#) phải có nghĩa vụ thu hoạch, chặt bỏ toàn bộ số cây bạch đàn mà gia đình ông [B](#), bà [Y](#) đã tự ý cho mọc chồi trên lô đất nêu trên để trả lại mặt bằng toàn bộ diện tích lô đất a5 khoảnh 5 cho [Công ty TNHH L1](#). Ông [Trần Danh Ba P](#) có trách nhiệm giao trả lại cho [Công ty TNHH L1](#)

tổng diện tích đất trồng rừng là 1,94ha tại lô a5, khoảnh 5 diện tích đo thực tế là 17192,9m<sup>2</sup> (đã được [Công ty TNHH Một thành viên T5](#) thẩm định ngày 25/7/2025).

[2].3. Xét việc [Công ty TNHH L1](#) thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với yêu cầu: Công nhận diện tích 1,94ha đất rừng lô a5, khoảnh 5, [đội Đ, Lâm trường Đ](#) quản lý, thuộc quyền sử dụng của [Công ty TNHH L1](#) là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, vì vậy không xem xét giải quyết trong bản án này.

[3]. Về chi phí tố tụng: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, [Công ty TNHH L1](#) đã ứng chi để Tòa án tiến hành thành lập Hội đồng thẩm định, định giá đất và tài sản trên phần đất có tranh chấp hết số tiền 11.559.000đồng (Mười một triệu năm trăm lăm mươi chín nghìn đồng). Nay yêu cầu khởi kiện của [Công ty TNHH L1](#) được chấp nhận. [Công ty TNHH L1](#) yêu cầu ông [Trần D](#) Ba phải thanh toán trả tiền tạm ứng chi phí tố tụng cho Công ty, xét là phù hợp với quy định tại Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy cần buộc ông [Trần D](#) Ba phải thanh toán trả cho [Công ty TNHH L1](#) toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 11.559.000đồng (Mười một triệu năm trăm lăm mươi chín nghìn đồng).

[4]. Về án phí: Yêu cầu của [Công ty TNHH L1](#) được chấp nhận, vì vậy [Công ty TNHH L1](#) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; ông [Trần Danh B](#) là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 275; khoản 1 Điều 422; Điều 428; các Điều: 504, 505, 507, 508, 512, khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 135, khoản 3 Điều 188; Điều 167 của Luật đất đai; đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của [Công ty TNHH MTV L1](#).

Tuyên bố chấm dứt Hợp đồng số 15/HĐ-LT/2019 ký ngày 05/6/2019 giữa Lâm trường [Đ](#) thuộc [Công ty TNHH MTV L1](#) với ông [Trần Danh B](#), địa chỉ: [Bản T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang](#) (nay là [Bản Tràng B1, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh](#)) tại lô a5, khoảnh 5, diện tích 1,94ha; địa chỉ lô đất: [Bản K, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang](#) (nay là [xã X, tỉnh Bắc Ninh](#));

Buộc ông [Trần D](#) Ba phải có nghĩa vụ trả sản phẩm khoán cho [Công ty TNHH MTV L1](#) theo hợp đồng số 15/HĐ-LT/2019 ký ngày 05/6/2019, số tiền là 54.223.000đ (Năm mươi tư triệu hai trăm hai mươi ba nghìn đồng);

Buộc ông [Trần Danh B](#) và bà [Đặng Thị Y](#) phải có nghĩa vụ thu hoạch, chặt bỏ toàn bộ số cây bạch đàn (cây chôi) mà ông [B](#) đã tự ý để mọc chôi trên lô đất a5, gồm 2.750 cây bạch đàn chôi, trả [Công ty TNHH MTV L1](#) tổng diện tích đất trồng rừng là 1,94ha tại lô a5, khoảnh 5, do [đội Đồng Tiến - Lâm trường Đ](#) quản lý (đã được đo đạc thẩm định ngày 25/7/2025); lô a5 nằm trong tổng diện tích đất đã được [UBND tỉnh B](#) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/8/2021, thửa đất số 1, tờ bản đồ số 128; Địa chỉ thửa đất: [xã X, tỉnh Bắc Ninh \(xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang cũ\)](#) cấp cho [Công ty TNHH L1](#); số GCNQSD đất: DB 418500; vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS0 1868/Q03; Vào sổ địa chính trang số 104; Quyền số 41; theo Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của [UBND tỉnh B](#) về việc cho [Công ty TNHH L1](#) chuyển hình thức từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang thuê đất (đợt 1) đối với diện tích đất đã được Nhà nước giao quản lý, sử dụng qua các thời kỳ; lô đất a5 có diện tích, kích thước các cạnh, các điểm tiếp giáp cụ thể được xác định như tại bản “Trích đo địa chính, hiện trạng” do [Công ty TNHH một thành viên T5](#) đo đạc ngày 25/7/2025 (Có sơ đồ kèm theo); cụ thể có các điểm tiếp giáp cụ thể như sau: Điểm 1+2= 107,46m; 2+ 3= 32,34m; 3+ 4= 36,99m; 4+5= 58,72m; 5+6= 48,92m; 6+7= 43,16m; 7+8= 20,55m; 8+9= 31,01m; 9+10= 19,97m; 10+11= 29,81m; 11+12= 8,60m; 12+13= 15,00m; 13+14= 7,28m; 14+15= 15,81m; 15+16= 13,45m; 16+17= 13,57m; 17+1= 47,24m.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông [Trần Danh Ba P](#) thanh toán trả cho [Công ty TNHH MTV L1](#) toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật là 11.559.000đ (Mười một triệu năm trăm lăm mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

*Về án phí:* Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông [Trần Danh B](#). Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho [Công ty TNHH L1](#) số tiền 4.750.000đ (Bốn triệu bảy trăm lăm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002033 ngày 22/5/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án vắng mặt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND Khu vực 3;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử  
Tòa án Tối cao;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Xuân Toàn**